

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2023/DS-PT

Ngày: 17/8/2023.

Vụ án: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Lâm Đồng**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quyền**.

Ông **Trương Hoài Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tống Phi Phụng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Trung Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 368/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm: 1961. Có mặt.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: 1/ Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1966. Có mặt.

2/ Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1969. Có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T2, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn T3**, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã T2, huyện T, TP. Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 22/11/2015, bà có cho ông Lê Văn T1 bà Nguyễn Thị C vay số tiền 58.000.000 đồng (tương đương 20 chỉ vàng 24k), lãi suất 1,2%/tháng, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Khi vay có làm “đơn xin xác nhận” có xác nhận của Trưởng ấp P ngày 22/11/2015. Khoảng 01 tháng sau, thì ông T1, bà C tiếp tục mượn thêm 03 chỉ vàng 24k, lãi suất 1,2%/tháng, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ và không làm giấy tờ gì. Vào ngày 06/02/2016, ông T1, bà C tiếp tục vay thêm của bà số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ và không làm giấy tờ. Tổng cộng ông T1, bà C vay của bà 86.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k. Đến ngày 06/9/2016, ông T1, bà C trả cho bà 16.000.000 đồng nợ gốc và còn nợ lại 72.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k. Từ khi vay đến nay, ông T1, bà C không đóng lãi cho bà. Nay bà yêu cầu ông T1, bà C trả cho bà 72.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k. Đồng thời, bà yêu cầu ông T1, bà C trả tiền lãi đối với số tiền 72.000.000 đồng là 71.553.000 đồng và tiền lãi của 03 chỉ vàng 24k là 14.457.000 đồng.

** Bị đơn ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị C thống nhất trình bày:*

Vào ngày 22/11/2015, ông, bà có vay của bà Nguyễn Ngọc M 58.000.000 đồng (tương đương 20 chỉ vàng 24k), lãi suất 1,2%/tháng, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Khi vay có làm đơn xin xác nhận có xác nhận của Trưởng ấp P ngày 22/11/2015. Đối với số tiền này, thì ông, bà đã trả cho bà M nhưng không nhớ thời gian trả. Khi trả không có làm giấy tờ gì, ông, bà chỉ kêu ông Hồ Văn Đ (là chồng bà M đã chết) đưa lại giấy xác nhận nhưng ông Đ không đưa. Khi trả không có ai chứng kiến nhưng có ông Nguyễn Văn M1 biết việc ông, bà đã trả số tiền này. Vào ngày 06/02/2016, ông bà tiếp tục vay của bà M số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thì ông, bà không nhớ cụ thể, khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và không làm giấy tờ gì. Đối với số tiền này thì khoảng 01 tháng sau ông, bà có trả cho bà M 16.000.000 đồng và 01 tháng tiền lãi nhưng không nhớ bao nhiêu tiền. Hiện tại, ông bà còn nợ của bà M 14.000.000 đồng. Tuy nhiên, trước đây ông, bà có 03 chỉ vàng 24k tính trả cho bà M nhưng có người hỏi mượn nên ông bà có hỏi ý kiến của bà M có cho vay không thì bà M đồng ý nên ông, bà đã giao vàng cho người vay. Hiện tại, người này chưa trả vàng lại nên ông, bà chưa trả cho bà M. Đối với 03 chỉ vàng như lời trình bày của bà M thì ông bà không có vay của bà M. Nay, ông, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M. Ông, bà chỉ đồng ý trả cho bà M 14.000.000 đồng nhưng khi nào người vay trả lại 03 chỉ vàng 24k thì ông bà mới trả lại cho bà M 14.000.000 đồng.

Sau khi hòa giải nhiều lần không thành, tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M.

- Buộc ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Nguyễn Ngọc M số tiền 82.368.000 đồng (tám mươi hai triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/5/2023, bị đơn ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị C kháng cáo bản án sơ thẩm do không đồng ý trả 58.000.000 đồng và lãi suất như bản án sơ thẩm đã tuyên vì ông bà đã trả xong rồi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, đương sự và Tòa án hai cấp đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản, vì vậy cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

* Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo cho rằng đã trả xong cho nguyên đơn số tiền 58.000.000 đồng và lãi suất nên không đồng ý trả phần này như án sơ thẩm đã tuyên. Xét kháng cáo, thấy rằng:

[2] Chứng cứ để xem xét là Đơn xin xác nhận (bút lục 4) ngày 22/11/2015 thể hiện nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 58.000.000 đồng, lãi suất 1.2%/tháng (có xác nhận của Trưởng ấp P). Phía bị đơn cho rằng đã trả xong khoản vay 58.000.000 đồng nhưng không có lấy lại biên nhận là “Đơn xin xác nhận” ngày 22/11/2015 và cũng không có chứng cứ chứng minh việc đã trả xong số tiền này cho nguyên đơn. Phía nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã thanh toán xong số tiền vay nêu trên. Do đó, cấp sơ thẩm buộc phía đơn phải có trách nhiệm trả số tiền 58.000.000 đồng và lãi suất cho nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền này và lãi suất vì đã trả xong cho nguyên đơn rồi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét. Vì vậy, kháng cáo không có căn cứ, không được chấp nhận như đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở.

[3] Về án phí: Do bị đơn kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M.

2. Buộc ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Nguyễn Ngọc M số tiền 82.368.000 đồng (Tám mươi hai triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Ngọc M được miễn án phí do trên 60 tuổi. Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.287.500 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005882 ngày 06/12/2022.

Ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị C phải nộp 4.118.400 đồng (Bốn triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng).

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Bị đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0005144 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Lâm Đồng